

Số: 12/2021/QĐST-DS

Huyện T, ngày 14 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số H đường N, phường T, quận K, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng Phòng quản lý khách hàng cá nhân Miền Bắc - Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản - Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Số H đường N, phường T, quận K, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020 và số 18395/UQ-PVB ngày 22/9/2020).

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1991; Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1991; Ông Trần Quốc T, sinh năm 1964; Bà Bùi Thị T, sinh năm 1969; đều có địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Quốc T: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2021).

Người đại diện hợp pháp của chị Hoàng Thị B: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2021).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Trần Quốc T, chị Hoàng Thị B, ông Trần Quốc T và bà Bùi Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 01/7/2021 là 365.639.156 đồng (trong đó: Nợ gốc là 290.474.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.742.808 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.422.348 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1261/2017/HĐTD/PVB-CNHP ngày 01/11/2017.

Kể từ ngày 02/7/2021 cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Anh Trần Quốc T, chị Hoàng Thị B, ông Trần Quốc T và bà Bùi Thị T thanh toán nợ tại điểm 2.1. nêu trên theo phương án sau:

Chậm nhất đến ngày 04 tháng 10 năm 2021, anh Trần Quốc T, chị Hoàng Thị B, ông Trần Quốc T và bà Bùi Thị T trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2.3. Trường hợp anh Trần Quốc T, chị Hoàng Thị B, ông Trần Quốc T và bà Bùi Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như điểm 2.2. thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để xử lý thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích 461m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 03, tại thôn M, xã H, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 272209, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01535 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 27/6/2017 cho người sử dụng là ông Trần Quốc T và vợ là bà Bùi Thị T.

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ mà còn dư thì sẽ được trả lại phần dư cho người có tài sản; trường

hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì anh Trần Quốc T, chị Hoàng Thị B, ông Trần Quốc T và bà Bùi Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.4. Về án phí: Anh Trần Quốc T, chị Hoàng Thị B, ông Trần Quốc T và bà Bùi Thị T nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 9.141.000 đồng (Đã làm tròn số). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015802 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Ninh